

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21 – 7 – 2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

– *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường, bà Nguyễn Thị Yến.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 7 năm 2023 và 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi ĐKKHT: Thôn T, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Đ, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1985 (vắng mặt khi xét xử, có mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Văn H kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị về chung sống với anh Vũ Văn H tại thôn T, xã T, huyện Lục Nam. Vợ chồng chung sống với nhau đến

tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, thường to tiếng, cãi chửi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Do vậy chị chuyển ra ngoài sống ly thân, không quan hệ tình cảm gì với anh H từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vũ Văn H.

- Về con chung: Chị và anh Vũ Văn H có 02 con chung là Vũ Tiến D, sinh ngày 09/7/2011 và Vũ Thị D1, sinh ngày 15/4/2015. Các con khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện cháu D đang ở cùng bố, cháu D1 đang ở cùng mẹ. Nay ly hôn chị và anh H đã thoả thuận để anh H là người nuôi cháu D, chị là người nuôi cháu D1.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh H mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng cho ai.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị và anh H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Vũ Văn H:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Vũ Văn H nhiều lần nhưng anh H không đến làm việc. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương nơi anh H cư trú, được biết anh H là người đăng ký thường trú và vẫn sinh sống thường xuyên tại thôn T, xã T, huyện Lục Nam. Anh là lao động tự do (làm bóc gỗ thuê), công việc làm gần nhà, sáng đi làm, trưa và tối lại về.

Ngày 10/4/2023 Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho anh H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hết thời hạn 15 ngày ấn định theo thông báo, Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của anh H. Nhiều lần cán bộ đến nhà anh H để làm việc nhưng không gặp, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh H.

Ngày 10/5/2023 và 19/5/2023 Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Vũ Văn H nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do.

Ngày 08/6/2023 Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H. Ngày 20/6/2023 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất nhưng đã hoãn phiên tòa vì anh H vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai được lập hồi 9 giờ 30 phút ngày 21/7/2023, cháu Vũ Tiến D trình bày:

Cháu là con của bố Vũ Văn H và mẹ Nguyễn Thị T. Hiện nay cháu đang học lớp 6B trường THCS T (xã T, huyện Lục Nam). Cháu đang ở cùng với bố tại thôn T, xã T. Hàng ngày cháu tự đi học bằng xe điện, cháu ăn cơm với bố hoặc ăn với nhà ông nội. Bố cháu đi làm gần nhà, sáng đi làm, buổi trưa và buổi tối đều về ăn cơm với cháu. Việc bố mẹ có mâu thuẫn, thường cãi nhau thì cháu có chứng kiến nhưng

nguyên nhân vì sao thì cháu không rõ. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố Vũ Văn H vì cháu đã quen với cuộc sống ở với bố.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký tòa án đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Vũ Văn H không cung cấp văn bản ghi ý kiến, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa không lý do là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn H.

- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Vũ Thị D1, sinh ngày 15/4/2015; giao anh Vũ Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Vũ Tiến D, sinh ngày 09/7/2011. Chị T và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí ngày 04/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T là người có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với anh Vũ Văn H. Bị đơn anh Vũ Văn H là người có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015 thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn là anh Vũ Văn H theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 20/6/2023 Hội đồng xét xử sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì anh Vũ Văn H vắng mặt không lý do.

Xét thấy: Căn cứ các biên bản xác minh, làm việc với đại diện địa phương nơi anh Vũ Văn H cư trú thì xác định, hiện nay anh H là người vẫn thường xuyên sinh sống tại thôn T, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Anh H có đủ thông tin để biết việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh nhưng anh cố tình trốn tránh, không hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng, gây khó khăn cho chị T trong việc xin ly hôn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H vắng mặt tại phiên toà là không có lý do chính đáng, anh H tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Do vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Vũ Văn H.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ tài liệu xác minh, thu thập trong hồ sơ cho thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Từ tháng 3 năm 2023 đến nay, chị T và anh H ly thân, không quan hệ tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định về việc vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, cụ thể:

“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Như vậy, việc chị T – anh H sống ly thân nhiều tháng nay đã vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Qua đó chứng tỏ mâu thuẫn là có thật vì vợ chồng không ở cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong thời gian dài. Phía anh H không thiện chí hòa giải để hàn gắn hôn nhân, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên hoà giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được

ly hôn với anh Vũ Văn H là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H có hai con chung là Vũ Tiến D, sinh ngày 09/7/2011 và Vũ Thị D1, sinh ngày 15/4/2015. Hiện nay cháu D đang ở với bố, cháu D1 đang ở với mẹ, các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Các con đều đã trên 07 tuổi, cháu D có lời khai muốn ở với bố, cháu D1 có lời khai muốn ở với mẹ. Tại phiên toà chị T cũng nhất trí nhận trách nhiệm nuôi cháu Vũ Thị D1 và để anh H nuôi cháu Vũ Tiến D.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Căn cứ quy định của pháp luật, nguyện vọng của các con, nguyện vọng của đương sự. Xét thấy cần chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị T về việc nuôi con chung. Giao cháu Vũ Thị D1, sinh ngày 15/4/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Vũ Tiến D, sinh ngày 09/7/2011 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nhằm tránh gây xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con cũng như để bảo đảm lợi ích và sự phát triển về mọi mặt cho các con.

[2.4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do giao mỗi người nuôi một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[2.5] Về tài sản, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trường hợp sau khi ly hôn, đương sự tranh chấp về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung và có đơn yêu cầu thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn H mặc dù vắng mặt khi xét xử nhưng có mặt khi tuyên án (đã biết kết quả xét xử) nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280; Điều 385 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Vũ Thị D1, sinh ngày 15/4/2015; giao anh Vũ Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Vũ Tiến D, sinh ngày 09/7/2011.

Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014491 ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã T, huyện Lục Nam, BG;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Công thông tin điện tử TAND tối cao.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn